



sǐ sǐ

死死

adverb · tightly; firmly; relentlessly

Example Sentences

Tā sǐ sǐ zhuā zhù shéng zi bù fàng
他死死抓住绳子不放。

He held onto the rope tightly and wouldn't let go.

Tā sǐ sǐ dīng zhe píng mù shēng pà cuò guò rèn hé xì jié
她死死盯着屏幕，生怕错过任何细节。

She stared intently at the screen, afraid of missing any detail.

Trace each character, then write the word on your own.

死	死	死	死	死	死	死	死	死		
死	死	死	死	死	死	死	死	死		